

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

Số: 22/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Cao Bằng, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tán thành chủ trương sắp xếp
đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG
KHÓA XVII KỲ HỌP THỨ 30 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Kết luận số 1380-KL/TU ngày 18 tháng 4 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng về Phương án sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Cao Bằng;

Sau khi xem xét Tờ trình số 1189/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc đề nghị tán thành chủ trương sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Cao Bằng năm 2025, như sau:

Sáp nhập nguyên trạng 161 đơn vị hành chính cấp xã hiện có của 10 huyện, thành phố (gồm 08 phường, 139 xã, 14 thị trấn) có vị trí tiếp giáp để thành lập 56 đơn vị hành chính cấp xã mới. Sau khi sắp xếp, tỉnh Cao Bằng có số lượng 56 đơn vị hành chính cấp xã gồm 53 xã và 03 phường, giảm 105/161 đơn vị hành chính cấp xã, cụ thể:

1. Thành lập **phường Thục Phán** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 phường, 01 xã thuộc thành phố Cao Bằng và 01 xã thuộc huyện Hoà An:

- Phường Sông Hiến (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 9,61 km²; dân số 10.895 người.

- Phường Đề Thám (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 9,67 km²; quy mô dân số 8.838 người.

- Phường Hợp Giang (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 0,92 km²; quy mô dân số 11.724 người.

- Xã Hưng Đạo (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 10,50 km²; quy mô dân số 5.946 người.

- Xã Hoàng Tung (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 24,74 km²; quy mô dân số 3.754 người.

Phường Thục Phán sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 55,44 km² và quy mô dân số 41.157 người.

2. Thành lập **phường Nùng Trí Cao** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số 02 phường và 01 xã của thành phố Cao Bằng:

- Phường Ngọc Xuân: diện tích tự nhiên 6,81 km²; quy mô dân số 7.209 người.

- Phường Sông Bằng: diện tích tự nhiên 7,80 km²; quy mô dân số 8.024 người.

- Xã Vĩnh Quang: diện tích tự nhiên 14,70 km²; quy mô dân số 4.274 người.

Phường Nùng Trí Cao sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 29,31 km² và quy mô dân số 19.507 người.

3. Thành lập **phường Tân Giang** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 phường, 01 xã của thành phố Cao Bằng và 01 xã của huyện Hòa An:

- Phường Duyệt Trung (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 9,95 km²; quy mô dân số 2.382 người.

- Phường Hòa Chung (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 5,45 km²; quy mô dân số 4.268 người.

- Phường Tân Giang (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 4,54 km²; quy mô dân số 7.864 người.

- Xã Chu Trinh (thành phố Cao Bằng): diện tích tự nhiên 27,16 km²; quy mô dân số 2.321 người.

- Xã Lê Chung (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 37,15 km²; quy mô dân số 1.369 người.

Phường Tân Giang sau khi thành lập có 84,26 km² diện tích tự nhiên và quy mô dân số 18.204 người.

4. Thành lập **xã Quảng Lâm** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Thạch Lâm: diện tích tự nhiên 92,97 km²; quy mô dân số 8.454 người.

- Xã Quảng Lâm: diện tích tự nhiên 79,96 km²; quy mô dân số 6.791 người.

Xã Quảng Lâm sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 172,93 km² và quy mô dân số 15.245 người.

5. Thành lập **xã Nam Quang** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Nam Cao: diện tích tự nhiên 75,46 km²; quy mô dân số 4.699 người.

- Xã Nam Quang: diện tích tự nhiên 72,70 km²; quy mô dân số 5.441 người.

Xã Nam Quang sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 148,16 km² và quy mô dân số 10.140 người.

6. Thành lập **xã Lý Bôn** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Vĩnh Quang: diện tích tự nhiên 56,46 km²; quy mô dân số 5.422 người.

- Xã Lý Bôn: diện tích tự nhiên 116,80 km²; quy mô dân số 6.385 người.

Xã Lý Bôn sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 173,25 km² và quy mô dân số 11.807 người.

7. Thành lập **xã Bảo Lâm** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Mông Ân: diện tích tự nhiên 59,35 km²; quy mô dân số 6.011 người.

- Xã Vĩnh Phong: diện tích tự nhiên 65,54 km²; quy mô dân số 2.962 người.

- Thị trấn Pác Miầu: diện tích tự nhiên 36,93 km²; quy mô dân số 5.225 người.

Xã Bảo Lâm sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 161,82 km² và quy mô dân số 14.198 người.

8. Thành lập **xã Yên Thổ** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Thái Học: diện tích tự nhiên 45,94 km²; quy mô dân số 3.693 người.

- Xã Thái Sơn: diện tích tự nhiên 47,27 km²; quy mô dân số 3.878 người.

- Xã Yên Thổ: diện tích tự nhiên 74,45 km²; quy mô dân số 5.239 người.

Xã Yên Thổ sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 167,67 km² và quy mô dân số 12.810 người.

9. Thành lập **xã Sơn Lộ** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Sơn Lập: diện tích tự nhiên 42,99 km²; quy mô dân số 2.096 người.
- Xã Sơn Lộ: diện tích tự nhiên 54,39 km²; quy mô dân số 3.482 người.

Xã Sơn Lộ sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 97,38 km² và quy mô dân số 5.578 người.

10. Thành lập **xã Hưng Đạo** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Hưng Thịnh: diện tích tự nhiên 47,33 km²; quy mô dân số 2.821 người.
- Xã Kim Cúc: diện tích tự nhiên 42,73 km²; quy mô dân số 3.081 người.
- Xã Hưng Đạo: diện tích tự nhiên 32,37 km²; quy mô dân số 3.452 người.

Xã Hưng Đạo sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 122,43 km² và quy mô dân số 9.354 người.

11. Thành lập **xã Bảo Lạc** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và thị trấn thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Bảo Toàn: diện tích tự nhiên 65,58 km²; quy mô dân số 3.213 người.
- Xã Hồng Trị: diện tích tự nhiên 38,33 km²; quy mô dân số 3.616 người.
- Thị trấn Bảo Lạc: diện tích tự nhiên 14,79 km²; quy mô dân số 4.060 người.

Xã Bảo Lạc sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 118,70 km² và quy mô dân số 10.889 người.

12. Thành lập **xã Cốc Pàng** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 01 xã thuộc huyện Bảo Lạc và 01 xã thuộc huyện Bảo Lâm.

- Xã Cốc Pàng (huyện Bảo Lạc): diện tích tự nhiên 81,05 km²; quy mô dân số 3.671 người.
- Xã Đức Hạnh (huyện Bảo Lâm): diện tích tự nhiên 89,23 km²; quy mô dân số 6.463 người.

Xã Cốc Pàng sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 170,28 km² và quy mô dân số 10.134 người.

13. Thành lập **xã Cô Ba** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Thượng Hà: diện tích tự nhiên 62,02 km²; quy mô dân số 4.795 người.
- Xã Cô Ba: diện tích tự nhiên 72,50 km²; quy mô dân số 3.602 người.

Xã Cô Ba sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 134,52 km² và quy mô dân số 8.397 người.

14. Thành lập **xã Khánh Xuân** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Phan Thanh: diện tích tự nhiên 51,93 km²; quy mô dân số 3.261 người.
- Xã Khánh Xuân: diện tích tự nhiên 58,03 km²; quy mô dân số 3.302 người.

Xã Khánh Xuân sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 109,96 km² và quy mô dân số 6.563 người.

15. Thành lập **xã Xuân Trường** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Hồng An: diện tích tự nhiên 41,23 km²; quy mô dân số 1.204 người.
- Xã Xuân Trường: diện tích tự nhiên 81,68 km²; quy mô dân số 4.465 người.

Xã Xuân Trường sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 122,92 km² và quy mô dân số 5.669 người.

16. Thành lập **xã Huy Giáp** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Bảo Lạc.

- Xã Đình Phùng: diện tích tự nhiên 57,38 km²; quy mô dân số 3.288 người.
- Xã Huy Giáp: diện tích tự nhiên 76,39 km²; quy mô dân số 4.085 người.

Xã Huy Giáp sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 133,76 km² và quy mô dân số 7.373 người.

17. Thành lập **xã Ca Thành** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Yên Lạc: diện tích tự nhiên 33,55 km²; quy mô dân số 1.157 người.
- Xã Ca Thành: diện tích tự nhiên 76,30 km²; quy mô dân số 3.527 người.

Xã Ca Thành sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 109,85 km² và quy mô dân số 4.684 người.

18. Thành lập **xã Phan Thanh** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Mai Long: diện tích tự nhiên 54,44 km²; quy mô dân số 3.416 người.
- Xã Phan Thanh: diện tích tự nhiên 83,65 km²; quy mô dân số 3.231 người.

Xã Phan Thanh sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 138,09 km² và quy mô dân số 6.647 người.

19. Thành lập **xã Thành Công** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Quang Thành: diện tích tự nhiên 59,06 km²; quy mô dân số 1.929 người.
- Xã Thành Công: diện tích tự nhiên 81,57 km²; quy mô dân số 3.209 người.

Xã Thành Công sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 140,63 km² và quy mô dân số 5.138 người.

20. Thành lập **xã Tam Kim** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Hoa Thám: diện tích tự nhiên 63,13 km²; quy mô dân số 1.653 người.
- Xã Hưng Đạo: diện tích tự nhiên 44,78 km²; quy mô dân số 1.224 người.
- Xã Tam Kim: diện tích tự nhiên 53,90 km²; quy mô dân số 2.987 người.

Xã Tam Kim sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 161,81 km² và quy mô dân số 5.864 người.

21. Thành lập **xã Nguyên Bình** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Thê Dục: diện tích tự nhiên 27,78 km²; quy mô dân số 1.620 người.
- Xã Vũ Minh: diện tích tự nhiên 52,85 km²; quy mô dân số 3.892 người.
- Thị trấn Nguyên Bình: diện tích tự nhiên 19,10 km²; quy mô dân số 3.766 người.

Xã Nguyên Bình sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 99,73 km² và quy mô dân số 9.278 người.

22. Thành lập **xã Tĩnh Túc** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Nguyên Bình.

- Xã Triệu Nguyên: diện tích tự nhiên 33,86 km²; quy mô dân số 1.170 người.
- Xã Vũ Nông: diện tích tự nhiên 30,48 km²; quy mô dân số 2.155 người.
- Thị trấn Tĩnh Túc: diện tích tự nhiên 22,46 km²; quy mô dân số 2.525 người.

Xã Tĩnh Túc sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 86,79 km² và quy mô dân số 5.850 người.

23. Thành lập **xã Minh Tâm** xã trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 01 xã thuộc huyện Nguyên Bình và 01 xã thuộc huyện Hòa An.

- Xã Minh Tâm (huyện Nguyên Bình): diện tích tự nhiên 53,66 km²; quy mô dân số 4.436 người.
- Xã Trương Lương (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 52,98 km²; quy mô dân số 3.746 người.

Xã Minh Tâm sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 106,64 km² và quy mô dân số 8.182 người.

24. Thành lập **xã Thanh Long** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hà Quảng.

- Xã Thanh Long: diện tích tự nhiên 51,52 km²; quy mô dân số 3.219 người.
- Xã Yên Sơn: diện tích tự nhiên 29,69 km²; quy mô dân số 1.304 người.
- Xã Ngọc Động: diện tích tự nhiên 37,40 km²; quy mô dân số 1.984 người.

Xã Thanh Long sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 118,62 km² và quy mô dân số 6.507 người.

25. Thành lập **xã Cần Yên** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hà Quảng.

- Xã Cần Nông: diện tích tự nhiên 26,73 km²; quy mô dân số 2.190 người.
- Xã Lương Thông: diện tích tự nhiên 71,98 km²; quy mô dân số 5.199 người.
- Xã Cần Yên: diện tích tự nhiên 45,93 km²; quy mô dân số 2.986 người.

Xã Cần Yên sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 144,64 km² và quy mô dân số 10.375 người.

26. Thành lập **xã Thông Nông** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Hà Quảng.

- Xã Đa Thông: diện tích tự nhiên 52,05 km²; quy mô dân số 4.646 người.
- Xã Lương Can: diện tích tự nhiên 30,83 km²; quy mô dân số 2.279 người.
- Thị trấn Thông Nông: diện tích tự nhiên 11,41 km²; quy mô dân số 2.533 người.

Xã Thông Nông sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 94,29 km² và quy mô dân số 9.458 người.

27. Thành lập **xã Trường Hà** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Hà Quảng.

- Xã Quý Quân: diện tích tự nhiên 27,66 km²; quy mô dân số 1.538 người.
- Xã Sóc Hà: diện tích tự nhiên 32,34 km²; quy mô dân số 3.024 người.
- Xã Trường Hà: diện tích tự nhiên 48,86 km²; quy mô dân số 3.612 người.
- Thị trấn Xuân Hòa: diện tích tự nhiên 34,44 km²; quy mô dân số 4.562 người.

Xã Trường Hà sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 143,30 km² và quy mô dân số 12.736 người.

28. Thành lập **xã Hà Quảng** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hà Quảng:

- Xã Hồng Sỹ: diện tích tự nhiên 35,91 km²; quy mô dân số 2.734 người.
- Xã Ngọc Đào: diện tích tự nhiên 39,68 km²; quy mô dân số 6.032 người.
- Xã Mã Ba: diện tích tự nhiên 36,66 km²; quy mô dân số 2.231 người.

Xã Hà Quảng sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 112,25 km², quy mô dân số là 10.997 người.

29. Thành lập **xã Lũng Nặm** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Hà Quảng:

- Xã Thượng Thôn: diện tích tự nhiên 49,94 km²; quy mô dân số 4.353 người.
- Xã Lũng Nặm: diện tích tự nhiên 47,65 km²; quy mô dân số 2.868 người.

Xã Lũng Nặm sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 97,59 km², quy mô dân số là 7.221 người.

30. Thành lập **xã Tổng Cột** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hà Quảng:

- Xã Nội Thôn: diện tích tự nhiên 35,23 km²; quy mô dân số 1.988 người.
- Xã Cải Viên: diện tích tự nhiên 33,39 km²; quy mô dân số 2.217 người.
- Xã Tổng Cột: diện tích tự nhiên 31,86 km²; quy mô dân số 2.649 người.

Xã Tổng Cột sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 100,48 km², quy mô dân số là 6.854 người.

31. Thành lập **xã Nam Tuấn** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hòa An:

- Xã Đức Long: diện tích tự nhiên 27,51 km²; quy mô dân số 5.507 người.
- Xã Dân Chủ: diện tích tự nhiên 55,69 km²; quy mô dân số 5.417 người.
- Xã Nam Tuấn: diện tích tự nhiên 36,47 km²; quy mô dân số 5.386 người.

Xã Nam Tuấn sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 119,66 km², quy mô dân số là 16.310 người.

32. Thành lập **xã Hòa An** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và thị trấn thuộc huyện Hòa An:

- Xã Đại Tiến: diện tích tự nhiên 45,80 km²; quy mô dân số 2.574 người.
- Xã Hồng Việt: diện tích tự nhiên 24,06 km²; quy mô dân số 3.703 người.
- Thị trấn Nước Hai: diện tích tự nhiên 27,17 km²; quy mô dân số 14.052 người.

Xã Hòa An sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 97,03 km², quy mô dân số là 20.329 người.

33. Thành lập **xã Bạch Đằng** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Hòa An và 01 xã thuộc huyện Nguyên Bình:

- Xã Bình Dương (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 33,10 km²; quy mô dân số 1.480 người.
- Xã Bạch Đằng (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 61,12 km²; quy mô dân số 2.441 người.
- Xã Thịnh Vượng (huyện Nguyên Bình): diện tích tự nhiên 47,39 km²; quy mô dân số 887 người.

Xã Bạch Đằng sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 141,61 km², quy mô dân số là 4.808 người.

34. Thành lập **xã Nguyễn Huệ** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hòa An:

- Xã Quang Trung: diện tích tự nhiên 48,46 km²; quy mô dân số 2.772 người.
- Xã Ngũ Lão: diện tích tự nhiên 54,91 km²; quy mô dân số 2.461 người.

- Xã Nguyễn Huệ: diện tích tự nhiên 43,44 km²; quy mô dân số 4.116 người.

Xã Nguyễn Huệ sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 146,80 km², quy mô dân số là 9.349 người.

35. Thành lập **xã Minh Khai** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Thạch An:

- Xã Quang Trọng: diện tích tự nhiên 84,78 km²; quy mô dân số 2.108 người.

- Xã Minh Khai: diện tích tự nhiên 88,62 km²; quy mô dân số 2.329 người.

Xã Minh Khai sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 173,40 km², quy mô dân số là 4.437 người.

36. Thành lập **xã Canh Tân** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Thạch An:

- Xã Đức Thông: diện tích tự nhiên 70,82 km²; quy mô dân số 2.134 người.

- Xã Canh Tân: diện tích tự nhiên 61,44 km²; quy mô dân số 2.379 người.

Xã Canh Tân sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 132,26 km², quy mô dân số là 4.513 người.

37. Thành lập **xã Kim Đồng** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Thạch An và 01 xã thuộc huyện Hòa An:

- Xã Thái Cường (huyện Thạch An): diện tích tự nhiên 25,31 km²; quy mô dân số 1.318 người.

- Xã Kim Đồng (huyện Thạch An): diện tích tự nhiên 53,49 km²; quy mô dân số 3.398 người.

- Xã Hồng Nam (huyện Hòa An): diện tích tự nhiên 33,27 km²; quy mô dân số 1.340 người.

Xã Kim Đồng sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 112,06 km², quy mô dân số là 6.056 người.

38. Thành lập **xã Thạch An** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Thạch An và 01 xã thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Vân Trình (huyện Thạch An): diện tích tự nhiên 42,01 km²; quy mô dân số 2.879 người.

- Xã Lê Lai (huyện Thạch An): diện tích tự nhiên 32,39 km²; quy mô dân số 2.961 người.

- Xã Tiên Thành (huyện Quảng Hòa): diện tích tự nhiên 39,35 km²; quy mô dân số 1.749 người.

Xã Thạch An sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 113,75 km², quy mô dân số là 7.589 người.

39. Thành lập **xã Đông Khê** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và thị trấn thuộc huyện Thạch An:

- Xã Đức Xuân: diện tích tự nhiên 33,36 km²; quy mô dân số 2.196 người.
- Xã Trọng Con: diện tích tự nhiên 75,73 km²; quy mô dân số 2.238 người.
- Thị trấn Đông Khê: diện tích tự nhiên 16,18 km²; quy mô dân số 4.665 người.

Xã Đông Khê sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 125,27 km², quy mô dân số là 9.099 người.

40. Thành lập **xã Đức Long** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Thạch An:

- Xã Thụy Hùng: diện tích tự nhiên 37,91 km²; quy mô dân số 1.223 người.
- Xã Lê Lợi: diện tích tự nhiên 37,74 km²; quy mô dân số 1.995 người.
- Xã Đức Long: diện tích tự nhiên 31,28 km²; quy mô dân số 2.018 người.

Xã Đức Long sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 106,93 km², quy mô dân số là 5.236 người.

41. Thành lập **xã Phục Hòa** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và 02 thị trấn thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Mỹ Hưng: diện tích tự nhiên 39,01 km²; quy mô dân số 2.599 người.
- Xã Đại Sơn: diện tích tự nhiên 37,79 km²; quy mô dân số 3.184 người.
- Thị trấn Tà Lùng: diện tích tự nhiên 7,91 km²; quy mô dân số 2.906 người.
- Thị trấn Hòa Thuận: diện tích tự nhiên 37,99 km²; quy mô dân số 5.650 người.

Xã Phục Hòa sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 122,70 km², quy mô dân số là 14.339 người.

42. Thành lập **xã Bế Văn Đàn** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Hồng Quang: diện tích tự nhiên 28,69 km²; quy mô dân số 2.520 người.
- Xã Cách Linh: diện tích tự nhiên 47,49 km²; quy mô dân số 4.930 người.
- Xã Bế Văn Đàn: diện tích tự nhiên 42,13 km²; quy mô dân số 2.803 người.

Xã Bế Văn Đàn sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 118,31 km², quy mô dân số là 10.253 người.

43. Thành lập **xã Độc Lập** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Quảng Hưng: diện tích tự nhiên 25,57 km²; quy mô dân số 1.775 người.
- Xã Cai Bộ: diện tích tự nhiên 40,09 km²; quy mô dân số 2.358 người.
- Xã Độc Lập: diện tích tự nhiên 36,55 km²; quy mô dân số 4.267 người.

Xã Độc Lập sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 102,21 km², quy mô dân số là 8.400 người.

44. Thành lập **xã Quảng Uyên** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Phi Hải: diện tích tự nhiên 50,58 km²; quy mô dân số 3.909 người.
- Xã Phúc Sen: diện tích tự nhiên 31,40 km²; quy mô dân số 4.358 người.
- Xã Chí Thảo: diện tích tự nhiên 27,62 km²; quy mô dân số 3.014 người.
- Thị trấn Quảng Uyên: diện tích tự nhiên 18,46 km²; quy mô dân số 5.408 người.

Xã Quảng Uyên sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 128,05 km², quy mô dân số là 16.689 người.

45. Thành lập **xã Hạnh Phúc** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Quảng Hòa:

- Xã Ngọc Động: diện tích tự nhiên 48,48 km²; quy mô dân số 4.988 người.
- Xã Tự Do: diện tích tự nhiên 36,72 km²; quy mô dân số 4.385 người.
- Xã Hạnh Phúc: diện tích tự nhiên 41,58 km²; quy mô dân số 5.636 người.

Xã Hạnh Phúc sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 126,78 km², quy mô dân số là 15.009 người.

46. Thành lập **xã Quang Hán** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 02 xã thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Quang Vinh: diện tích tự nhiên 52,43 km²; quy mô dân số 2.462 người.
- Xã Quang Hán: diện tích tự nhiên 41,18 km²; quy mô dân số 4.456 người.

Xã Quang Hán sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 93,61 km², quy mô dân số là 6.918 người.

47. Thành lập **xã Trà Lĩnh** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 01 xã, 01 thị trấn thuộc huyện Trùng Khánh và 01 xã thuộc huyện Quảng Hoà:

- Xã Cao Chương (huyện Trùng Khánh): diện tích tự nhiên 28,52 km²; quy mô dân số 3.161 người.
- Thị trấn Trà Lĩnh (huyện Trùng Khánh): diện tích tự nhiên 14,90 km²; quy mô dân số 5.192 người.
- Xã Quốc Toàn (huyện Quảng Hòa): diện tích tự nhiên 31,55 km²; quy mô dân số 2.452 người.

Xã Trà Lĩnh sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 74,97 km², quy mô dân số là 10.805 người.

48. Thành lập **xã Quang Trung** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Tri Phương: diện tích tự nhiên 26,86 km²; quy mô dân số 2.439 người.
- Xã Xuân Nội: diện tích tự nhiên 29,39 km²; quy mô dân số 1.662 người.
- Xã Quang Trung: diện tích tự nhiên 26,35 km²; quy mô dân số 1.874 người.

Xã Quang Trung sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 82,60 km², quy mô dân số là 5.975 người.

49. Thành lập **xã Đoài Dương** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Trung Phúc: diện tích tự nhiên 32,39 km²; quy mô dân số 3.300 người.
- Xã Cao Thắng: diện tích tự nhiên 29,06 km²; quy mô dân số 3.425 người.
- Xã Đoài Dương: diện tích tự nhiên 53,03 km²; quy mô dân số 5.811 người.

Xã Đoài Dương sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 114,48 km², quy mô dân số là 12.536 người.

50. Thành lập **xã Trùng Khánh** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 03 xã và 01 thị trấn thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Đức Hồng: diện tích tự nhiên 36,01 km²; quy mô dân số 5.263 người.
- Xã Lăng Hiếu: diện tích tự nhiên 31,29 km²; quy mô dân số 3.416 người.
- Xã Khâm Thành: diện tích tự nhiên 44,40 km²; quy mô dân số 3.230 người.
- Thị trấn Trùng Khánh: diện tích tự nhiên 13,81 km²; quy mô dân số 5.940 người.

Xã Trùng Khánh sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 125,50 km², quy mô dân số là 17.849 người.

51. Thành lập **xã Đàm Thủy** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Chí Viễn: diện tích tự nhiên 43,81 km²; quy mô dân số 4.722 người.
- Xã Phong Châu: diện tích tự nhiên 25,23 km²; quy mô dân số 2.148 người.
- Xã Đàm Thủy: diện tích tự nhiên 45,59 km²; quy mô dân số 5.411 người.

Xã Đàm Thủy sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 114,63 km², quy mô dân số là 12.281 người.

52. Thành lập **xã Đình Phong** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 xã thuộc huyện Trùng Khánh:

- Xã Ngọc Côn: diện tích tự nhiên 21,62 km²; quy mô dân số 2.784 người.
- Xã Ngọc Khê: diện tích tự nhiên 30,10 km²; quy mô dân số 2.979 người.
- Xã Phong Nặm: diện tích tự nhiên 28,38 km²; quy mô dân số 1.561 người.
- Xã Đình Phong: diện tích tự nhiên 33,67 km²; quy mô dân số 3.454 người.

Xã Đình Phong sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 113,77 km², quy mô dân số là 10.778 người.

53. Thành lập **xã Lý Quốc** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hạ Lang:

- Xã Minh Long: diện tích tự nhiên 39,41 km²; quy mô dân số 2.164 người.
- Xã Đồng Loan: diện tích tự nhiên 27,32 km²; quy mô dân số 1.382 người.
- Xã Lý Quốc: diện tích tự nhiên 35,44 km²; quy mô dân số 2.420 người.

Xã Lý Quốc sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 102,18 km², quy mô dân số là 5.966 người.

54. Thành lập **xã Hạ Lang** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của 02 xã và thị trấn thuộc huyện Hạ Lang:

- Xã Thống Nhất: diện tích tự nhiên 38,0 km²; quy mô dân số 3.171 người.
- Xã Thị Hoa: diện tích tự nhiên 27,25 km²; quy mô dân số 1.855 người.
- Thị trấn Thanh Nhật: diện tích tự nhiên 15,88 km²; quy mô dân số 3.065 người.

Xã Hạ Lang sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 81,13 km², quy mô dân số là 8.091 người.

55. Thành lập **xã Vinh Quý** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 04 xã thuộc huyện Hạ Lang:

- Xã Cô Ngân: diện tích tự nhiên 30,50 km²; quy mô dân số 1.652 người.
- Xã An Lạc: diện tích tự nhiên 39,27 km²; quy mô dân số 2.132 người.
- Xã Kim Loan: diện tích tự nhiên 30,04 km²; quy mô dân số 1.313 người.
- Xã Vinh Quý: diện tích tự nhiên 43,25 km²; quy mô dân số 1.823 người.

Xã Vinh Quý sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 143,05 km², quy mô dân số là 6.920 người.

56. Thành lập **xã Quang Long** trên cơ sở nhập nguyên trạng toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của 03 xã thuộc huyện Hạ Lang:

- Xã Đức Quang: diện tích tự nhiên 36,67 km²; quy mô dân số 1.603 người.
- Xã Thắng Lợi: diện tích tự nhiên 50,62 km²; quy mô dân số 2.126 người.
- Xã Quang Long: diện tích tự nhiên 42,85 km²; quy mô dân số 2.039 người.

Xã Quang Long sau khi thành lập có diện tích tự nhiên 130,15 km², quy mô dân số là 5.768 người.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện hồ sơ trình cấp có thẩm quyền quyết định sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Cao Bằng năm 2025 theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Cao Bằng khóa XVII, Kỳ họp thứ 30 (*chuyên đề*), nhiệm kỳ 2021 - 2026 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua. *gh*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (đề b/c);
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh; UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Huyện ủy, Thành ủy, HĐND, UBND các huyện, Thành phố;
- Trung tâm thông tin - VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Triệu Đình Lê